

Bản án số: 80/2019/DS-PT

Ngày: 27 – 6 – 2019

V/v tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hoàng Y, sinh năm 1959; cư trú tại: Số nhà 322/6, đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1949 (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1976 (Có mặt).

Cùng cư trú tại: Số nhà 322/4, đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị Thu S (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Tấn H (Vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Diệu A (Vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Diệu K (Vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thanh N (Có mặt).

6. Ông Nguyễn Trung I (Vắng mặt).

7. Bà Dương Thị Ngọc R (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Số nhà 322/4, đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

8. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1954; cư trú tại: Số nhà 322/6, đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Kim O, cư trú tại: Số nhà 570, đường LD, khóm B, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

10. Bà Lâm Thị L, cư trú tại: Số nhà 170, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Hoàng Y là nguyên đơn.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 1993 Bà Phạm Thị Hoàng Y có bán cho bà Nguyễn Thị Kim O một phần đất và căn nhà gắn liền trên đất có chiều ngang là 6,3m và chiều dài là 20m, khi bán chỉ làm giấy viết tay, sau đó đến năm 1999 bà O bán lại phần đất và căn nhà trên cho bà Lâm Thị L. Đến năm 2000 bà L bán lại phần đất và căn nhà trên cho ông Nguyễn Văn T, đến năm 2016 ông T và người con là ông Nguyễn Trường G xây dựng hai căn nhà kiên cố trên phần đất này. Tuy nhiên khi xây dựng thì lấn qua phần đất của bà Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ phần đã xây dựng mái che tôn và khung sườn, cột bê tông cốt thép trên diện tích 6,14m² (ngang 1,15m + 2m, chiều dài 3,9m) theo hướng Đông bắc giáp hẻm 322, đường Tôn Đức Thắng. Buộc ông T trả lại cho Bà Phạm Thị Hoàng Y phần đất đã lấn chiếm có diện tích 4,48m². Theo bà Y phần đất này có giá trị là 7.840.000 đồng với giá đất 01m² là 1.750.000 đồng. Trong trường hợp ông T trả giá trị thì yêu cầu trả theo giá 01m² đất với giá là 1.750.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Trường G phải tháo dỡ phần xây dựng nhà ở và ô quang bê tông cốt thép đã lấn sang để trả lại phần đất cho bà có diện tích 17,51m².

Tại phiên tòa hôm nay bà Y thống nhất với kết quả diện tích phần đất đang tranh chấp theo sơ đồ hiện trạng phần đất ngày 09/10/2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sóc Trăng cung cấp và yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ phần đã xây dựng mái che tôn và khung sườn, cột bê tông cốt thép để trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 11.10m². Trong trường hợp ông T không đồng ý trả đất thì bà yêu cầu trả theo giá

trị, cụ thể 01m² là 1.750.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Trường G phải tháo dỡ phần xây dựng nhà ở và ô quang bê tông cốt thép đã lấn sang để trả lại phần đất cho bà có diện tích theo đo đạc thực tế là 13,40m².

- Tại Biên bản hoà giải ngày 08/01/2018 người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phía các bị đơn không có lấn chiếm đất của nguyên đơn.

- Trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có văn bản trả lời thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng. Đồng thời, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 157, Điều 161, Điều 165; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 203 của Luật Đất đai; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ phần đã xây dựng mái che tôn và khung sườn, cột bê tông cốt thép để trả lại phần đất có diện tích là 11.10m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 41, phần đất có số đo và tứ cận như sau (Kèm theo sơ đồ thửa đất):

+ Hướng đông giáp với phần đất tranh chấp thứ hai có số đo là 1,15m.

+ Hướng tây giáp với phần đất ông Nguyễn Văn M có số đo là 2,0m.

+ Hướng nam giáp với Nguyễn Văn T có số đo là 7,0m.

+ Hướng bắc giáp với hẻm 322 có số đo là 7,0m.

- Yêu cầu ông Nguyễn Trường G phải tháo dỡ phần xây dựng nhà ở và ô quang bê tông cốt thép đã lấn sang phần đất của bà để trả lại phần đất bị lấn chiếm có diện tích 13,40m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 41, phần đất có số đo và tứ cận như sau:

+ Hướng đông giáp với Bà Phạm Thị Hoàng Y có số đo là 19,21m (Chưa bao gồm mương nước).

+ Hướng tây giáp với căn nhà của ông Nguyễn Trường G có số đo là 19,22m (Chưa bao gồm mương nước).

+ Hướng nam giáp với mương nước có số đo là 0,7m.

+ Hướng bắc giáp với hẻm 322 có số đo là 0,7m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm

và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/12/2018, nguyên đơn Bà Phạm Thị Hoàng Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm số 82/2018/DS-ST, ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng với các lý do: Bản án sơ thẩm dựa vào giấy tờ tẩy xóa, sửa diện tích ngang 6,30m thành 07m để chiếm của bà bề ngang 0,7m; bà có yêu cầu định vị cái giếng bằng máy nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không định vị; nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tại các mục [3], [4], [6], [7], [8], [9] không đúng, nên yêu cầu hủy án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, đồng thời cho rằng bà chỉ chuyển nhượng cho bà O chiều dài 20m, theo đo đạc thực tế thì dư ra một cạnh là 02m và một cạnh là 1,15m (Vị trí số 1 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất), nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ máy che tôn và khung sườn, cột bê tông cốt thép để trả lại phần đất có diện tích 11,10m² (Vị trí số 1 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất), nhưng nay bà yêu cầu trả giá trị với tổng số tiền là 19.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu buộc ông Nguyễn Trường G phải tháo dỡ phần xây dựng nhà ở và ô quang bê tông cốt thép để trả cho bà phần lối đi có diện tích 13,40m² (Vị trí số 2 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất); các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Y và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Diệu A, bà Nguyễn Diệu K, ông Nguyễn Trung I, bà Dương Thị Ngọc R, ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Lâm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của Bà Phạm Thị Hoàng Y là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của Bà Phạm Thị Hoàng Y về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm xem xét, giải quyết hủy bản án dân sự sơ thẩm số 82/2018/DS-ST, ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng với các lý do: Bản án sơ thẩm dựa vào giấy tờ tẩy xóa, sửa diện tích ngang 6,30m thành 07m để chiếm của bà bề ngang 0,7m; bà có yêu cầu định vị cái giếng bằng máy nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không định vị; nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tại các mục [3], [4], [6], [7], [8], [9] không đúng, nên yêu cầu hủy án sơ thẩm. Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và đánh giá chứng cứ dựa vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đánh giá có đúng hay chưa đúng thì khi có kháng cáo thì Tòa án cấp phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá chứng cứ theo trình tự phúc thẩm. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm chưa định vị cái giếng nước theo yêu cầu của bà Y và chưa xác minh một số người làm chứng có hiểu biết liên quan đến nội dung khởi kiện, nhưng thiếu sót này đã được Tòa án cấp phúc khắc phục bằng cách tiến hành định vị cái giếng nước của bà và xác minh đầy đủ những người làm chứng theo quy định của pháp luật. Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót nhưng chưa đến mức vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, nên không phải là căn cứ để hủy bản án sơ thẩm. Do đó, việc bà Y kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm số 82/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng là không có căn cứ, không được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của Bà Phạm Thị Hoàng Y về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là buộc ông Nguyễn Trường G phải tháo dỡ phần xây dựng nhà ở và ô quang bê tông cốt thép để trả cho bà phần lối đi có diện tích 13,40m² (Vị trí số 2 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất). Xét thấy, khi khởi kiện bà Y có cung cấp giấy sang nhượng nhà đề ngày 12/4/1993, bản phô tô không có công chứng, chứng thực (Không cung cấp được bản chính), bên chuyển nhượng là vợ chồng của bà Y, bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Kim O; theo bà Y trình bày là bà chỉ chuyển nhượng cho bà O bề ngang 6,3m, bà chừa lại 0,7m để cho bà con lối xóm vào cái giếng xách nước về xài và tắm giặt tại đây. Tuy nhiên, giấy sang nhượng chỉ là bản phô tô nhìn không rõ có việc sửa chữa hay không, nên chưa đủ cơ sở xác định việc chuyển nhượng giữa vợ chồng bà Y với bà O có chiều ngang là 6,3m hay 07m, nhưng tại biên bản lấy khai ngày 18/4/2019 bà O cho rằng lâu quá bà không nhớ vợ chồng bà Y chuyển nhượng cho bà chiều ngang bao nhiêu, nhưng có chuyển nhượng luôn lối đi cặp giếng và có kéo dây chì gai kẽm làm ranh, khi bà nhận chuyển nhượng từ vợ chồng bà Y và khi bà chuyển nhượng lại cho bà L thì bà Y đứng ra cắm ranh; còn theo những người làm chứng gồm bà Ngô Thúy X, bà Sơn Ánh Y, bà Thạch Thị Z đều xác định không biết bà Y chuyển nhượng cho bà O diện tích ngang là bao nhiêu và có 03 lối đi vào giếng nước, trong đó có lối đi bên phía bị đơn ông T, còn bà Lâm Thị L không đồng ý cung cấp lời khai và bà Nguyễn Minh A, ông Nguyễn Phi U, bà Võ Thị Ngọc Ô không có nhà nên không lấy khai được. Qua lời khai của những người làm chứng không có cơ sở xác định vợ chồng bà Y chuyển nhượng cho bà O diện tích ngang là bao nhiêu và cũng không xác định được lối đi bên phía ông T là do bà Y chừa lại; nhưng khi tiến hành thẩm định thực tế thì phần đất do vợ chồng bà Y đứng tên thuộc thửa 117 có chiều ngang cạnh trước và cạnh sau là đủ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Tòa án tỉnh có xuống phần đất tranh chấp vào ngày 08/4/2019 để định vị giếng nước thì xác định giếng nước nằm toàn bộ bên phần đất thuộc thửa 117 do bà Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không

nằm bên phần đất tranh chấp thuộc thửa 116, còn lối đi thì nằm toàn bộ bên phần đất thuộc thửa 116; ngoài ra, khi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Y cũng không có đăng ký phần đất lối đi 0,7m bà cho rằng bà chưa lại, điều đó thể hiện không phải đất do bà Y chưa lại nên bà không đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, bên phần đất thuộc thửa 117 vẫn có lối đi từ lộ thẳng vào giếng nước thì không có lý do gì lại chưa 0,7m ở phần đất kế bên. Mặt khác, bà cho rằng bà chỉ chuyển nhượng cho bà O chiều ngang 6,3m thì bà phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp. Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận vợ chồng bà Y chuyển nhượng cho bà O chiều ngang là 07m và chiều dài là 20m và bà O chuyển lại cho bà L, bà L chuyển nhượng lại cho ông T cũng diện tích trên. Do đó, bà Y kháng cáo yêu cầu buộc ông G phải tháo dỡ phần xây dựng nhà ở và ô quang bê tông cốt thép đã lấn sang phần lối đi của bà có diện tích 13,40m² (Vị trí số 2 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất) là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của Bà Phạm Thị Hoàng Y về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là buộc ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ máy che tôn và khung sườn, cột bê tông cốt thép để trả lại phần đất có diện tích 11,10m² (Vị trí số 1 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất), nhưng nay bà yêu cầu trả giá trị với tổng số tiền là 19.000.000 đồng. Thấy rằng, từ những phân tích ở mục [4] đã xác định phần đất vợ chồng bà Y chuyển nhượng cho bà O, bà O chuyển nhượng cho bà L, bà L chuyển nhượng cho ông T chiều ngang 07m, chiều dài 20m và bà O cũng xác định khi giao nhà cho bà O thì hai bên có đo đạc để giao nhà, nên việc chuyển nhượng nhà và đất là một khối tổng thể thì không lý do gì lại chưa phần đất phía trước nhà, nếu chưa phần đất phía trước nhà thì người nhận chuyển nhượng không thể sử dụng được nhà và không đảm bảo điều kiện giao dịch về nhà ở. Mặt khác, từ khi chuyển nhượng nhà cho bà O thì bà Y đã giao cho bà O nhà và đất gắn liền và bà O sử dụng từ năm 1993, sau đó chuyển nhượng qua cho nhiều người khác sử dụng. Chính vì vậy, việc chuyển nhượng nhà đất nêu trên là ổn định, bao gồm nhà và phần đất liền kề mà bà Y đã giao cho bà O từ năm 1993, nên bà Y yêu cầu ông T trả lại phần đất thừa với tổng số tiền 19.000.000 đồng là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bà Y không được chấp nhận, nên bà Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Y và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Phạm Thị Hoàng Y.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm. Án tuyên như sau:

- *Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Hoàng Y về việc:*

Yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải tháo dỡ mái che tôn và khung sườn, cột bê tông cốt thép để trả lại phần đất có diện tích là 11,10m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại khóm 1, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, nhưng nay yêu cầu trả giá trị với tổng số tiền là 19.000.000 đồng, phần đất có số đo và tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp với phần đất tranh chấp thứ hai có số đo là 1,15m. Hướng tây giáp với phần đất ông Nguyễn Văn M có số đo là 2,0m. Hướng nam giáp với Nguyễn Văn T có số đo là 7,0m. Hướng bắc giáp với hẻm 322 có số đo là 7,0m.

Yêu cầu ông Nguyễn Trường G phải tháo dỡ phần xây dựng nhà ở và ô quang bê tông cốt thép đã lấn sang phần đất của bà để trả lại phần đất bị lấn chiếm có diện tích 13,40m², thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại tọa lạc tại khóm 1, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, phần đất có số đo và tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp với Bà Phạm Thị Hoàng Y có số đo là 19,21m (Chưa bao gồm mương nước). Hướng tây giáp với căn nhà của ông Nguyễn Trường G có số đo là 19,22m (Chưa bao gồm mương nước). Hướng nam giáp với mương nước có số đo là 0,7m. Hướng bắc giáp với hẻm 322 có số đo là 0,7m.

(Kèm theo sơ đồ thửa đất).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Y đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004849 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, xem như bà Y nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm (*Tại số 2 và 3 trong phần tuyên xử*) không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn